

Bài 140. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Bà-La-Môn | Sư Giác Nguyên giảng 09/12/2018

Hôm nay chúng ta học phẩm Rừng, phẩm 19, bắt đầu với bài 181. Từ bài này cho đến bài 190 có nội dung tương tự nhau, chỉ khác một ít thôi.

Tương tự là sao? Có nghĩa là, các vị biết rồi, ngay trong thời pháp đầu tiên của Đức Thế Tôn tại vườn nai Lộc Uyển cho nhóm tỳ-kheo Kiều Trần Như, nội dung là Tứ đế, trong đó Ngài xác nhận bốn sự thật:

1. Mọi thứ ở đời là khổ.
2. Những cái gì mình đam mê, thích thú đều là thích thú trong khổ; mà hễ thích trong khổ nghĩa là tiếp tục tạo khổ.
3. Muốn hết khổ thì đừng thích trong khổ nữa.
4. Sống với ba nhận thức trên đó chính là con đường thoát khổ.

Người nào hiểu được bốn sự thật này thì người đó chỉ có một con đường duy nhất. Nghĩa là luôn luôn hít thở, đi đứng, ăn uống, thấy, ngửi, nghe, nếm, đụng và suy tư trong ba nhận thức đó thôi. Đây là ba nhận thức mà một người hiểu được Tứ đế phải thường trực, thường xuyên, liên tục sống trong đó. Không có một pháp môn nào nằm ngoài con đường này hết. Con đường này có tên gọi là con đường Trung đạo.

Con đường Trung đạo là sao? Là con đường nằm giữa hai cực đoan.

Quan điểm thứ nhất: con đường khổ hạnh ép xác, đầy dọa thân xác, kiêng khem khổ hạnh một cách mù quáng, cực đoan, mong rằng ráng chịu cái khổ này thì sẽ tránh được cái khổ kia. Đây là một quan điểm tu tập sai lầm, nhưng nó còn sạch sẽ hơn quan điểm thứ hai.

Quan điểm thứ hai: muốn thoát khổ cho nên tìm mọi cách để hưởng thụ. Dùng cái niềm vui khoái lạc hiện tại để lãng quên cái khổ mà mình đang muốn trốn chạy và giải thoát.

Cho nên con đường Trung đạo là con đường nằm giữa hai con đường: lợi dưỡng và khổ hạnh. Tuy nhiên, khi thành Phật rồi đi thuyết pháp khắp nơi, nhìn vào căn tánh chúng sinh thì Đức Phật có dạy thế này:

“Tuy cái đạo Ta là Trung đạo, giáo pháp Ta là Trung đạo, không có chủ trương khổ hạnh. Tuy nhiên, có những chúng sinh nhiều đời nhiều kiếp tu hạnh ly dục, cho nên bây giờ khi biết được Phật pháp rồi thì họ không còn chút hứng thú nào trong cái chuyện sung sướng, tiện nghi, hưởng thụ.”

Cho nên trên hình thức thì cái kiểu tu của mấy người này ngó nó hao hao như mấy người khổ hạnh, nhưng mà nó khác. Mấy người khổ hạnh là họ hiểu lầm tu là phải khổ, nghĩa là dùng cái khổ này nè, là cái khổ đày đọa thân xác này, để chấm dứt cái khổ sanh tử. Đức Phật Ngài nói: Không! Mà là thực hiện con đường Bát Chánh Đạo, thực hiện con đường Trung đạo mới là con đường thoát khổ. Còn cái chuyện 13 pháp Đầu-đà cũng là con đường Trung đạo, nhưng đây là kiểu, là hình thức tu tập đặc biệt.

Tôi nói lại lần nữa, toàn bộ con đường Đức Phật dạy đều là con đường Trung đạo hết. Nhưng cái hạnh Đầu-đà thì trong room bữa nay có những người nghe lần đầu tiên, nghe không biết Đầu-đà là cái gì thì tôi nói thêm.

Đầu-đà là những hình thức khép mình của những vị xuất gia hơi đặc biệt một chút. Đặc biệt là sao? Thường thì mấy người xuất gia cạo đầu, đắp y, ngày ăn một bữa, không giữ thức ăn qua đêm, đi khất thực, không giữ cái đồ cần phải nấu lại. Y áo chỉ giữ đủ để mặc, là một bộ dịnh người và một bộ sơ cua dự phòng lỡ khi chuột cắn, lửa cháy, ướt mưa... Thường thì tỳ-kheo Nguyên thủy là như vậy, nhưng mấy người tu khổ hạnh là hơi khác một chút.

Mấy vị khổ hạnh cũng y chang như vậy, nghĩa là ngày ăn một bữa, không giữ thức ăn qua đêm, khát thực không nhận đồ phải nấu lại. Nhưng các vị có thêm vụ này mới mệt nè: tức là mấy vị tỳ-kheo khác khát thực thì cứ khát thực, nhưng mà ai thỉnh về nhà ăn mâm cao cỗ đầy cũng gật đầu một cái ọt; ăn mà mâm vàng chén ngọc cũng gật đầu một cái ọt; sơn hào hải vị vẫn gật đầu một cái ọt; rồi bữa sau về húp nước mắm, ăn rau luộc cũng ok. Đó là mấy vị tỳ-kheo thông thường.

Y áo cũng vậy. Vị tỳ-kheo bình thường không có ai cúng dường thì tự lượm vải dơ về nhà để giặt, nhuộm và may. Hễ có người cúng dường vải xịn: vải bằng silk, cotton, muslin... thì vẫn mặc bình thường. Nhưng mấy vị tỳ-kheo Đầu-đà lại khác. Đi khát thực chỉ sống trong bình bát, có thì ăn, không có thì nhịn, chứ không có nhận lời ai lại nhà ăn hết, không có đụng chạm đến muỗng, nĩa, dao, kéo trên bàn ăn.

Thứ hai là những vị Đầu-đà này, y áo chỉ có một con đường duy nhất, đó là lượm vải dơ, vải quăng bỏ về may, giặt, nhuộm; chứ không có nhận y của người ta may sẵn, cũng không nhận những miếng vải lành lặn, mới tinh mà người ta đưa tận tay.

Những vị tỳ-kheo thông thường, nếu không có chỗ ở đàng hoàng thì có thể ra ngoài tha ma, mộ địa, gốc cây, hang động, đồng rơm để mà ở. Hoặc nếu có ai mời vô trú xá có mái che, có vách, có tường, có sàn, có tiện nghi thì vẫn gật đầu ok.

Nhưng riêng những vị tỳ-kheo Đầu-đà thì lại khác. Cũng là tỳ-kheo, nhưng cả đời không sống trong mái che nhân tạo. Các vị này chỉ có một con đường duy nhất, đó là sống trong chỗ tự nhiên như: gốc cây, hang động, đồng rơm, lùm bụi mà thôi.

Các vị này có những hạnh đặc biệt. Ví dụ như trong 13 hạnh Đầu-đà, có những vị mỗi ngày chỉ ăn có một buổi thôi. Tỳ-kheo thông thường thì buổi sáng có thể ăn điểm tâm, hoặc ai đó cho ăn cái gì đó thì coi đó là bữa phụ, còn bữa trưa là bữa chính. Nhưng mà những vị trì hạnh Đầu-đà thì lại khác, gọi là “Nhất tọa thực”, nghĩa là một ngày chỉ ăn một buổi.

Cho nên các vị ấy sáng không dám ăn điểm tâm, bởi vì điểm tâm là coi như tàn đời. Nếu như buổi sáng mà mình đem lại cho các vị đó chén cháo mà nếu mấy vị đó nhận là coi như đời các vị kết thúc, bởi vì sau khi ăn chén cháo đó rồi thì coi như bữa đó đã xong. Mà các vị tưởng tượng đi, 24 giờ đồng hồ, sức trai hùng tráng, uy mãnh mà được một chén cháo trắng thì còn gì là đời trai nữa.

Cho nên “Nhất tọa thực” nó ác ở một chỗ là đã ăn một miếng bánh bò, ăn một chén cháo trắng, hoặc cắn nửa hột đậu phộng là coi như xong 24 giờ đó. Cho nên mấy vị đó tội nghiệp lắm. Mình nhiều khi mình không biết, mình ngáo ngáo, mình lại mình cúng cho mấy vị đó một miếng bánh bò bằng hai ngón tay là coi như mình giết người ta rồi, mình hại đời nhau, các vị biết không. Vì lòng đại bi thì các vị nhận, nhưng sau khi ăn miếng bánh bò nhỏ xíu đó rồi thì nguyên cả phần ngày còn lại là chỉ hít thở, sống bằng không khí thôi. Hạnh Đầu-đà nó ác như vậy đó.

Cho nên nguyên loạt kinh từ 181 cho đến 190 là nói về các hạnh Đầu-đà nói riêng và cái hình thức giống Đầu-đà nói chung.

Là sao? Đức Phật dạy rằng có những người cũng vào rừng sống, mà cái lý do, lý tưởng, mục đích, ý nghĩa, dụng tâm, dụng ý không giống nhau.

Có người vào rừng sống để trốn tránh pháp luật. Có người vào rừng ở là vì không muốn lên máu, không muốn truy tìm, muốn vắng vẻ, không muốn kẻ thù truy sát. Có người vào rừng vì cơ thể của họ thích hợp như vậy, nó đòi hỏi như vậy. Có người vào rừng là vì muốn cho người ta biết mình là người ẩn cư viễn ly... Nhiều lý do.

Nhưng ở đây Đức Phật dạy rằng, trong tất cả những lý do mà một vị tỳ-kheo sống trong rừng, hay sống hạnh khổ thực, hay sống ở tha ma mộ địa... Trên hình thức, những người giữ hạnh đầu đà này ngó giống nhau. Nhưng mà về nội dung, lý tưởng, tinh thần hay nếp sống ấy thì coi chừng rất có thể giữa họ có những điểm sai biệt bằng trời, lớn tày đình mà mình không biết.

Là bởi vì có những vị sống trên hình thức cũng có vẻ là chay tịnh, khổ hạnh, thanh bần, bần tăng khổ sai, nhưng mà cái lý tưởng của họ không phải như vậy. Sống ở trên núi cao rừng thẳm để kêu gọi tình thương. Hình thức thanh bần đạm bạc để tỏ rõ đạo hạnh, đức độ của mình cho người ta thấy, mang cách là diễn.

Ở đây bài kinh này nói có ba trường hợp:

1. Tu để diễn.

2. Sự lựa chọn ngẫu nhiên.

3. Chấp nhận các hạnh tu chay tịnh này vì mục đích giải thoát, ly dục, thiếu dục. Thật sự họ không có thiết tha gì cái nhu cầu tiện nghi vật chất.

Đức Phật dạy, người trì hạnh đầu đà sống kiêngh khem, chay tịnh, khổ hạnh với một lý tưởng ly dục, là bỏ đời sống chộn rộn hưởng thụ của đời sống thế gian để có thời gian nhiều cho tâm linh tinh thần, trau dồi các đức lành để cầu giải thoát, thì đây là trường hợp đáng kính, đáng quý, đáng được chiêm ngưỡng, kính bái.

Còn riêng những trường hợp kia, tức là ngoài mục đích cầu đạo giải thoát, thì những lý do, ý nghĩa, mục đích, tinh thần, lý tưởng khác đều không được Đức Phật tán thán trong trường hợp này. Nguyên một loạt kinh là như vậy đó, các vị coi đi, 13 hạnh đầu đà là như vậy đó.

Trong kinh thời Đức Phật có một vị tỳ-kheo, các chư tăng cùng nhau đi bát 20 vị, 15 vị, 100 vị, 200 vị... Riêng vị này thì từ khi thọ đại giới là đi đâu cũng một mình hết. Ngồi thiền một mình, đi bát một mình, đi tắm ngoài sông ngoài suối cũng một mình, đi sớm về khuya, đi đâu cũng một mình, mà bạn bè rủ đi chung thì không, lúc nào cũng chỉ một mình.

Có mấy vị sư bạn ngạc nhiên hỏi:

“Tụi tui anh em có gì làm sư buồn mà sư có vẻ solo là sao? Sư thích một mình hay là sao?”

Thì vị kia nói:

“Không có gì ghê gớm hết. Tại tôi nghe Đức Phật thường tán thán vị tỳ-kheo sống một mình, nên tôi cái gì cũng một mình hết trơn.”

Thì chư tăng mới thấy ngộ ngộ, mới đem cái chuyện đó trình tới Đức Phật. Đức Phật gọi vị này đến và hỏi:

“Có phải là người như vậy không? Làm gì cũng một mình chỉ vì nghe ta khen, có đúng không?”

Ông nói:

“Dạ phải.”

Đức Phật Ngài nói:

“Không phải, hiểu sai rồi. Ta tán thán tỳ-kheo sống một mình ở đây không phải chỉ nghĩa đen mà còn cả nghĩa bóng nữa.”

Một mình là sao? Một mình là dù ở giữa đám đông hay ở một mình thì cũng không để cho tham, sân, si chen vô. Một mình ở đây là chỉ có thiện chứ không có cái ác nó lấp ló thập thò. Ngài định nghĩa một mình ở đây là chỉ có cái thiện chứ không có để cái bất thiện sọt ra sọt vô. Còn người hiểu một mình ở đây là nghĩa đen, có nghĩa là một mình một bóng, không có chung chạ anh em, huynh đệ, thầy bạn.

Nghĩa bóng mà Đức Phật dạy một mình, đúng nghĩa là chỉ có thiện pháp chứ không có ác pháp sọt ra sọt vô. Cái bài kinh đó lại bổ sung cho loạt kinh mà chúng ta đang học ở đây.

Ở đây bà con cũng có nhiều người gặp chúng tôi, họ cũng nói nhỏ nhỏ:

“Chán quá, muốn có cái chỗ để gửi thân trong một tháng, hai tháng.”

Thì tôi nghe họ là tôi nhớ tới bài kinh này liền. Họ nhức đầu quá, họ muốn kiếm chỗ cho họ gửi thân. Nhưng mà có chỗ cho họ gửi rồi thì sao? Móc cái phone ra alo, search online, Facebook, messages, Paltalk, WhatsApp... Thì cái đó là chết cha rồi, cái đó không có được. Máy người đó gọi là họ sống chung với lũ.

Ở đây Đức Phật Ngài dạy là không có sống chung với lũ. Ở đây chỉ có làm bạn với thiện pháp chứ không có loại bạn thứ hai. Suy nghĩ, hành động, nói năng trước sau chỉ theo thiện pháp thì mới là độc cư. Chứ độc cư mà hiểu theo nghĩa đen là solo một mình, độc tấu, độc diễn thì cái đó không đúng. Bởi vì nếu nói như vậy thì ngoài đời thiếu gì người độc cư, mấy cha mới ly dị là đã độc cư rồi.

Như vậy là không phải. Độc cư là chỉ có thiện pháp trong lòng thôi mới gọi là độc cư. Còn người chỉ sống trong ác pháp không được gọi là độc cư, bởi vì người sống trong ác pháp cũng có lúc này lúc khác, lúc thiện lúc ác.

Nhưng mà nếu sống trong cái thiện rất ráo thì cái ác nó mất đi, không thể chen vô được. Cái ác mà rất ráo thì còn có chỗ cho thiện hiệp thế, thiện hữu lậu nó chen vô, còn có cái chỗ để sanh về cõi này cõi kia, còn có sự chung chạ nam nữ, đực cái, trống mái đời này kiếp nọ. Nhưng mà riêng cái thiện pháp rất ráo được gọi là độc cư, bởi vì:

Anh đắc được Sơ quả là anh đã dứt được thân kiến, anh không còn cơ hội chung chạ với loài đọa xứ nữa, mà anh chỉ sống với người lành.

Nếu rất ráo nữa, anh chứng tới La-hán thì anh không còn chỗ để tái sanh, không còn cái chuyện chung chạ, cọ xát, dây dưa với bất cứ chúng sanh nào nữa, bởi vì vô sanh bất tử mà.

Cho nên sống trong thiện pháp được xem là độc cư rất ráo nhất. Còn hể anh còn sống trong ác pháp thì anh còn có cơ hội dây dưa với người này người kia. Đó là quy luật

ngàn đời muôn thuở, thiên thu, thiên niên vạn đại của lục đạo ngũ thú.

Cho nên nguyên một loạt bài kinh từ 181-190 này được Đức Phật dạy có một điều đơn giản thôi: “Hình thức tu tập không quan trọng bằng nội dung, tinh thần, ý nghĩa và lý tưởng của người tu tập.”

Chứ bây giờ bà con có phong trào mặc đồ trắng, có logo riêng, A-sô-ka hay A-sô-kiết, gia đình Phật tử Xá-lợi-phất, Ananda, La-hầu-la... tùm lum hết. Thì ba cái đó là ba cái đồ tào lao. Bởi vì nếu anh không có dàn xếp được thế giới nội tâm, nội tại của anh, thì ba cái logo đó nó chỉ góp phần rắc rối cho cái thế giới vốn dĩ đã quá nhiều màu mè rồi. Cái đó lớn chuyện lắm quý vị.

Cho nên ở đây Ngài dạy rằng, ngay khi Ngài còn trụ xứ độ sinh hay khi Ngài đã Niết-bàn rồi, thì muôn thuở nội dung chánh pháp phải được thể hiện qua cái tinh thần, lý tưởng hành trì, chứ không phải là qua cái hình thức.

Bởi vì nếu chỉ là hình thức mà gọi là tu, thì đứa con nít còn bú, nằm ngửa, mình đè nó ra bắt nó mặc áo tu là nó thành sư rồi. Nhưng mà không phải, cái đó là không có được. Nó phải có ý nghĩa tinh thần, nội dung, lý tưởng ở trong cái hình thức ấy thì cái đó mới gọi là tu.

Dù các vị mặc đồ trắng, thậm chí các vị chọn một kiểu ăn uống, sinh hoạt đặc biệt nào đó, vẫn chưa xi nhê, chưa thấm thía vào đâu hết, vì vấn đề là nội tâm của các vị.

Các vị có nhớ bài học căn bản này hay chưa? Mọi thứ đều là khổ, dầu là thiện ác, buồn vui cũng đều là khổ. Thích thú trong cái gì cũng là thích thú trong khổ. Muốn hết khổ thì đừng có thích thú trong khổ nữa. Cái ác mình không thích đã đành, nhưng cái thiện thì mình chỉ coi nó là thuốc để chữa bệnh, chứ không phải là đam mê trong đó theo cái kiểu làm được ba mớ thấy mình hay là coi như chết cha, cái đó vẫn còn là đam mê trong khổ.

Nhớ nha! Thiện pháp nó là thuốc chữa bệnh thì mình phải bổ thí, trì giới, ngồi thiền. Nhưng mà những gì ta có được trong quá trình hành trì ấy cũng chỉ là trong quá trình trị liệu, chữa bệnh mà thôi. Không có gì để cho mình tự đắc, tự mãn, tự kiêu, tự đại. Không có gì hết. Mình không có tự ái là đã hên rồi. Không có gì để mình tự mãn, tự kiêu.

Là vì sao? Vì tôi đã nói không biết là bao nhiêu lần, một người tù dù có thuộc lòng từng viên gạch trong phòng giam thì vẫn tiếp tục là thằng tù. Người tù dù có biết rõ kiến trúc sư nào đã dựng nên cái nhà tù này vào năm mấy, tổng kinh phí là bao nhiêu, thầy thợ là bao nhiêu người, cấu trúc, kiến trúc, mô hình tổng quát của cái nhà tù này ra sao; dù mình có tinh thông cách mấy đi nữa thì mình vẫn là thằng tù, ở trong nhà tù, và vẫn đang tiếp tục bị ở tù.

Thì dù mình có học thuộc lòng Tam Tạng kinh điển thì mình cũng chỉ là thằng tù thôi. Có một điều là thằng tù trí thức và thằng tù dốt, chỉ như vậy thôi. Cái quan trọng là làm sao để ra khỏi tù. Cái quan trọng là người bệnh không còn bệnh nữa, người mắc nợ không còn nợ nữa. Cái quan trọng là người mắc nợ đã trả xong nợ, người bệnh không còn bệnh, người tù đã trả xong án. Tất cả mọi hình thức, logo, slogan, tiêu ngữ, khẩu hiệu... tất cả đều là rác.

Kinh này nặng đô à nha. Kinh này như một làn gió mới, muốn nói mát cũng được mà muốn nói nóng cũng được, thổi vào thành trì cực đoan, biên kiến của Bà-la-môn thời Đức Phật, và cũng là một cái gáo nước lạnh tạt vào mặt của chúng ta.

Là sao? Là Đức Phật Ngài dạy rằng, Ngài tạt không phải là Ngài ác ý, mà Ngài tạt để cho mình tỉnh ngủ, mình đừng có ngồi làm thơ nữa, thì phải hiểu như vậy. Tại là sao? Là Ngài dạy rằng có những điều mà ngày nay chỉ còn ở loài chó chứ không có ở loài người. Wow, cái này mới đau nha. Ngài dạy rằng có những điều mà ngày xưa nhân loại còn giữ được, nhưng mà ngày nay những điều này chỉ còn thấy ở loài chó thôi quý vị.

Đó là gì?

1. Ngài nói ngày xưa, chúng sanh đẳng cấp nào, giai cấp nào thì nó đến với giai cấp đó. Thí dụ như nói về giai cấp xã hội đã đành, mà nói trong gia đình thì chồng chỉ biết có vợ và vợ chỉ biết có chồng, người thiện chỉ chơi với người thiện.

Nhưng mà thời sau này thì người ta không còn màng tới giai cấp của xã hội. Mình cứ tưởng nó là sự tiến bộ, nhưng mà nó lại kéo theo vấn đề khác. Có nghĩa là cái người mà mình đến sau này nó không hẳn là chồng của mình, không hẳn là vợ của mình, không hẳn là cái người mà mình được phép nữa.

Trong khi con chó thì khác, con chó là nó chỉ khoanh vùng có con chó cái thôi. Còn đối tượng tình dục và thể hiện tình yêu của con người bây giờ là nó bao la bát ngát. Con chó đực chỉ biết con chó cái và con chó cái chỉ chấp nhận có con chó đực. Đối tượng gửi gắm cảm xúc tình cảm, tình dục của nó rất là đơn giản.

Nhưng mà cái đối tượng gửi gắm của con người thì nó rất là phức tạp, nghĩa là người được phép hay không được phép là mình làm thật luôn. Đó là điều thứ nhất: con chó về mặt tình cảm, tình dục, nó đơn giản hơn con người.

Và nói nặng hơn, nếu hôm nay trong room này mình có lấy con chó làm vợ hoặc làm chồng của mình thì còn tin hơn là mình lấy một con người. Tôi biết tôi nói thế này sẵn sàng có người mướn du đấng chém tôi, nhưng mà đây là một sự thật. Nếu chúng ta hôm nay chúng ta lấy chó, lấy heo thì chúng ta có thể tin cậy hơn là mình lấy một con người.

Là vì sao? Là vì một con chó, một con heo khi mình xích nó lại ở trong chuồng thì nó là của mình, nhưng mà con người thì mình không thể làm như vậy. Bài kinh này không phải là Ngài chửi mình, mà Ngài nói rằng đạo đức của con người mình bây giờ nó đã giảm lắm rồi. Chúng ta không còn khả năng tự chủ, tự chế trước nhu cầu tình cảm, tình dục. Không phải là Ngài chửi, mà Ngài vạch ra một sự thật thê lương về cái thế giới loài người.

2. Ngày xưa, cái thời kỳ mà chúng sanh ít phiền não... Bữa hôm các vị có nhớ tôi nói đến vấn đề chu kỳ không? Chu kỳ là xuân, hạ, thu, đông trong thiên nhiên và trong con người, trong chúng sanh cũng vậy. Có những thời kỳ tham mạnh, sân mạnh, trí mạnh, tuệ mạnh, đức tin mạnh, thiện định mạnh... tùy thời kỳ.

Có thời kỳ thiếu dục, ly dục, người phụ nữ với người nam trong quan hệ tình dục chỉ đến với nhau chớp nhoáng, và trong quan hệ tình cảm thì rất là kiên định, sống đầy trách nhiệm. Còn mình bây giờ, nam nữ đến với nhau, cái nhu cầu tình yêu thì ít mà nhu cầu tình dục thì nhiều. Về điểm này, Ngài dạy rằng mình thua loài chó, vì loài chó chỉ đến với nhau có mùa.

Ở Cà Mau thì mùa trăng giao phối là tháng 10. Chó tháng 7, trăng tháng 10, mèo tháng 3, còn người ta thì tứ quý. Bởi vì con trăng thì tầm tầm tháng 10 đến tháng 11. Nó dễ lắm quý vị, cứ hai con nó xoắn nhau là nông dân mình tới là hốt một cặp bỏ vào bao vác về thôi. Đó là mùa trăng, mùa mấy con trăng nó hay giao phối.

Còn mèo là tháng 3, cái mùa đó là khởi ngủ với mấy ảnh chỉ. Mấy ả mèo của mình là gào thét cả đêm, cái tiếng rợn người, nhưng mà chỉ có tầm tháng 3 thôi. Về cái khoản này thì loài người thua loài thú, bởi vì loài thú chỉ đến với nhau để giao phối trong cái thiên chức kế thừa chủng tộc, chủng loại.

Nhưng mà riêng mình bây giờ, đến với nhau không phải là vì tình yêu, vì lý tưởng, vì hai con mắt cùng nhìn về một hướng, vì trái tim cùng nhịp đập, mà vì cả hai cùng có nhu cầu sinh lý.

3.

Trong loài thú không có chuyện bán mua như một mặt hàng. Nhưng riêng trong thế giới của loài người thì chúng ta thương nhau đầu ấp tay gối, kề vai tựa má, chúng ta có thể chết cho nhau, nhưng mà người nam người nữ có thể coi nhau là mặt hàng, là sản phẩm để mà giao dịch buôn bán, các vị biết không. Cái đó rất là độc, rất là tẻ.

Mình không thương nhau thì ít ra mình còn trọng nhau. Nhưng mà loài người bây giờ yêu được thì yêu, mà bán nhau được thì bán.

Thậm chí tôi còn biết những chuyện động trời: có nhiều ông vì muốn thăng quan tiến chức mà dám đem vợ của mình giao cho sếp để lấy cái đó làm bậc thang lương bổng, chức vụ ở trong cơ quan, công ty, hãng xưởng. Dễ sợ như vậy. Đó cũng là một kiểu hình thức bán buôn.

4. Có những điều bây giờ chỉ có ở loài chó thôi, đó là: con chó đói thì nó ăn, nó no rồi thì thôi. Nhưng mà riêng loài người bây giờ nghĩ đến chuyện tích góp tài sản. Theo ở ngoài quan điểm thế gian thì cái chuyện đó là cái chuyện bình thường, chuyện hợp lý, chuyện thiên kinh địa nghĩa. Nhưng mà theo trong tinh thần Phật pháp là khi đời sống nhân loại đã đi qua chiều hướng, khuynh hướng tích lũy mà mình tạm gọi là “Công xã nguyên thủy” — có nghĩa là người ta hưởng theo nhu cầu, làm theo khả năng và không có khái niệm tư hữu tích lũy.

Công xã nguyên thủy có nghĩa là như vậy: hưởng theo nhu cầu có nghĩa là cần thì lấy, còn không cần thì thôi. Làm theo khả năng và năng lực có nghĩa là ai đóng góp được thì đóng góp. Không có cái chuyện người chèn ép người, bóc lột, mà đặc biệt là không có cái chuyện không ai có hướng tích lũy. Cần thì dùng, mà dùng xong thì thôi. Nhưng bây giờ chuyện đó chỉ có ở loài thú chứ không có ở loài người nữa. Loài người bây giờ có khuynh hướng tích lũy.

5. Loài chó thì buổi nào biết buổi đó, còn mình thì buổi sáng nghĩ tới buổi trưa, buổi trưa nghĩ tới buổi chiều.

Nguyên bài kinh này nếu bà con không được nghe giải thích thì giống như là Ngài mắng cái đám Bà-la-môn. Nhưng mà không, đây là lời cảnh tỉnh của Ngài cho tất cả những ai nghe được cái pháp thoại này. Nội dung đơn giản như vậy. Ngài nhắc rằng: “Coi chừng mang thân người mà có những điều ta không bằng con thú”. Đó là lời Phật dạy, đó là lời cảnh tỉnh thôi. Nguyên bài kinh 5 đoạn chỉ có nội dung đó thôi:

“Hãy cẩn thận, coi chừng ta đang mang thân người nhưng mà đời sống của chúng ta có những góc cạnh không bằng con thú”.

Bà-la-môn Dona

Có một ông Bà-la-môn tên là Dona. Dona này nó có một cái trùng hợp là lắm, Dona này có nghĩa là cây cân. Chúng ta đã từng học một bài kinh về ông này rồi. Ông là một học giả, chuyên gia về Veda rất là nổi tiếng.

Veda là gì? Veda tức là thánh điển của Bà-la-môn giáo, giống như Koran của Hồi, hay là Bible trong Kinh Thánh Cựu Ước của Thiên Chúa vậy đó. Ông được rất nhiều người nể trọng, tiếng tăm lừng lẫy, và trong một lần gặp Phật, ông đã trở thành vị thánh A-na-hàm.

Khi Phật niết-bàn, làm lễ trà-tỳ hỏa táng xong thì 7 quốc gia kéo đại binh tới tính đánh một trận thư hùng để mà giành giật Xá-lợi của Thế Tôn. Lúc bấy giờ, ông với tư cách là một Phật tử và đồng thời cũng là một thuyết khách, một biện sĩ có uy tín, ông mới đứng trước mặt sứ thần các nước, ông nói:

“Kính thưa các vị, ngay thuở Thế Tôn còn sinh tiền, Ngài luôn luôn kêu gọi cái tình thương thân tương ái, từ bi thương người được bao nhiêu thì thương. Ngài chưa hề nói gì đến cái chuyện kêu gọi binh đao chinh chiến. Thế mà hôm nay Ngài vừa nằm xuống, Xá-lợi còn đây, năm xương tàn còn đó, mà bà con đã vội lãng quên lời dạy chí tình chí thiết ấy của Thế Tôn.

Vì cái phần Xá-lợi để lại này, thay vì cùng tôn thờ, cùng sống theo tinh thần, lời dạy của Ngài, thì chúng ta vì Xá-lợi này mà đâm chém, chinh chiến, máu chảy thành sông, xác chất thành núi thế này, thì liệu chúng ta có phải là phụ lòng Đức Thế Tôn và chúng ta đã làm sai lời dạy của Ngài một cách mỉa mai và buồn cười hay không. Tức là đi thờ lạy một con người gọi là từ bi bằng cách là lấy máu ra đổi lấy năm xương tàn của người đó.”

Với những cái lời giải thích của ông thì quần thần, sứ thần các nước rụng rời, tái mặt, buông hết vũ khí xuống, nhỏ nhẹ, ngoan hiền, ngồi xuống để ông lấy cái cân bằng vàng ra, ông cân và chia Xá-lợi ra thành 7 phần. Ông này nè, không có ông là một cái vụ đó rồi, Kushinara bị giày xéo còn hơn là Bagdad của Iraq năm 2001 nữa.

Ông này nổi tiếng lắm. Trong lúc mà ông chia Xá-lợi, ông là A-na-hàm rồi thì ông đâu có ăn cắp ăn trộm, nhưng có một điều là trong tinh thần của một vị thánh thì đây là lúc Xá-lợi chưa có chia, thì đó là của chung, mà ông cũng là con — con trong nghĩa bóng là con tinh thần — của Ngài. Cho nên lúc mà chia, thì ông thấy có chiếc răng của Ngài, thì ông lấy, ông ghim lên tóc của ông rồi ông chia tiếp, ông nhanh tay lắm.

Đức Đế Thích mới nhìn thấy sao mà cái răng mất tiêu, thì Ngài mới thấy trong cái búi tóc của cái ông này, thì Đế Thích mới thỉnh riêng cho mình. Cho nên Đức Đế Thích mà lấy bằng thần thông thì chỉ có trời biết thôi. Khi ông chia xong xuôi thì ông rờ lên cái búi tóc, thì ông mới biết là chiếc răng mất rồi. Thì ông mới xin các vị sứ thần:

“Thôi giờ cái công tui chia mà tui không có được cái gì tui thờ hết thì thôi cho tui xin cái cân này để về tui thờ.”

Là cái ông này đây.

Cái ông này lúc mà Đức Thế Tôn còn sống thì ông mới đến hỏi Thế Tôn, lúc này ông chưa có đắc quả. Ông mới bạch:

“Tôn giả Gotama, nghe nói là Ngài chưa có chào hỏi, đứng dậy nhường chỗ cho ai hết, nhất là những vị Bà-la-môn lớn tuổi là những đối tượng rất được trọng vọng trong xã hội Ấn Độ đương thời. Mà nghe nói hình như tuổi tác nào đi nữa, lớn hơn, bằng hơn, nhỏ hơn, chưa có đứng dậy chào hỏi và nhường chỗ cho ai hết, có phải như vậy không?”

Thì Đức Phật mới hỏi ông một câu:

“Theo ông thì ông có nghĩ ông là một Bà-la-môn nằm trong số những Bà-la-môn mà ông vừa nhắc hay không?”

Ông mới nói:

“Dạ phải chứ. Như con là những tiêu chuẩn được gọi là Bà-la-môn chánh hiệu thứ thiệt con nai vàng thì con có đủ mà. Thứ nhất là con là dòng dõi nhiều đời là Bà-la-môn không tạp chủng. Thứ hai là con được lớn lên, được đào tạo, giáo dục bài bản trong môi trường Bà-la-môn, chữ nghĩa kinh điển đúng mực, giáo lý tinh thông uyên bác, thì như vậy con đáng được gọi là Bà-la-môn.”

Đức Phật nghe ông nói.

Như vậy thì Ngài mới nhắc một loạt tên của những vị Bà-la-môn được xem là tác giả của thánh điển Veda.

Giống như Thiên Chúa là bây giờ mà nghe nhắc đến ông Tômát Đacanh là những nhà thần học của Thiên Chúa. Đã là dân Thiên Chúa mà nghe nhắc đến Tômát Đacanh là ai cũng phải biết. Hoặc là bên đạo Phật có ngài Buddhaghosa thì ai cũng phải biết. Hoặc là bên Phật giáo Bắc Tông thì là Mã Minh, Vô Trước, Long Thọ, Huệ Năng... nói ra không biết thì là thứ dỏm.

Còn dân Bà-la-môn mà nói những tác giả lớn này của Veda mà không biết là dốt lắm. Ngài hỏi:

“Có biết mấy ông này không?”

Ông nói:

“Dạ biết.”

Ngài nói:

“Biết là biết làm sao?”

Chỗ này chú giải cho chúng ta biết một chuyện vô cùng kỳ thú mà trong room này bắt buộc phải biết, bắt buộc phải biết.

Chúng ta biết rằng Bà-la-môn giáo là có trước thời Đức Phật, và theo trong kinh nói, từ trong vô thủy luân hồi, hể còn có Phạm thiên, còn có người tu thiền thì còn có Bà-la-môn giáo. Bởi vì Bà-la-môn giáo là một hệ thống vừa là tư tưởng triết học, vừa là tôn giáo tín ngưỡng của những người thừa kế chưa tới nơi tới chốn của những vị tu thiền.

Nghĩa là ông A chán đời nên vô núi, vô rừng để tu thiền, thì ổng đắc thần thông. Với thần thông của ổng thì ổng có thể thấy được rất nhiều chuyện ở nơi này, nơi kia mà người ta không biết. Từ những “Nho - Y - Lý - Số”, nghĩa là từ vấn đề chữ nghĩa, thuốc men, phong thủy, tử vi; ngay cả những vấn đề như kiến trúc, nghệ thuật, âm nhạc, thơ ca thì cái người có thần thông họ biết rất là nhiều. Vì tuy ở một nơi mà họ biết rất là nhiều chỗ.

Họ mới đem những cái biết đó dạy lại cho những người thông tuệ, để những người này đem cái kiến thức đó họ xây dựng xã hội. Đây là cái điều mà Phật tử Việt Nam lười đọc sách không có biết. Các vị không có biết vì đâu mà nó lòi ra mấy cái thuốc Bắc.

Tại sao cũng cái cây đó mà thời xưa không có máy móc, mà tại sao cũng cái cây đó, cái lá thì độc mà cái củ của nó lại chữa bệnh? Cái lá của nó trị bệnh A mà cái rễ của nó chữa bệnh B. Cái lá của nó dùng đúng cái lượng nào thì chữa được bệnh gì, mà dưới cái mức đó chữa được bệnh gì, thì chỉ có mấy ông nội đắc thiền mới biết thôi.

Rồi những cái chuyện nó hơi kỳ quái, ví dụ như Long Đàm Hồ Huyệt, Tiền Chu Tước, Hậu Hồng Võ, Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ... Đất nào là đất kết, đất nào là long mạch thì cũng chỉ mấy thằng cha đắc thiền mới biết.

Mà tại sao mấy ông đi dạy cho chúng sanh? Bởi vì ổng thấy cả một xã hội loài người u mê, mê muội, không biết gì, nên bây giờ đem dạy cho tụi nó để đưa nào tu được

như mình thì tu, còn đứa nào huệ căn nó kém quá thì ít ra nó cũng có cái nghề nó sống, và nó đủ dùng cái kiến thức này của mình để xây dựng một cái xã hội văn minh.

Thế là những kiến thức về kiến trúc, hội họa, âm nhạc, y học, thiên văn, phong thủy, khí tượng thủy văn... là do mấy vị đắc thiên họ dạy.

Nhưng có một điều là tại sao đến nay ta không biết tới nguồn gốc này? Là bởi vì quá lâu đời. Cái ông tổ đầu tiên ông dạy thì ông tiếp theo còn biết chút đỉnh là sư phụ mình là người như vậy. Nhưng mà đi vào ở trong nhân gian, người ta dựa vào cái biết đó kết hợp với những kinh nghiệm truyền đời từ thế hệ này sang thế hệ khác: 100 năm, 200 năm, 1000 năm, 2000 năm.

Cuối cùng tất thấy kinh nghiệm nào đã xây dựng Kim Tự Tháp bên Ai Cập, Machu Picchu bên Peru, hay nền văn minh Inca ở Nam Mỹ nói chung, thì người ta không còn biết cái gốc đó nữa. Người ta chỉ biết đó là do ông tù trưởng, bộ lạc, hay là những kiến trúc sư tài ba của những vùng đất đó nghĩ ra. Họ không biết cái gốc nguyên thủy là do các vị đắc thiên.

Nguồn gốc ấy được biết đến là tại Ấn Độ và những vùng đất khác. Nhưng mà đặc biệt riêng tại Ấn Độ thì nguồn gốc này được sử sách kinh điển ghi chép.

Cái nguồn kinh điển được ghi chép những cái chuyện đó được gọi là Veda, từ cái gốc là chữ “Vid”, nghĩa là knowledge, kiến thức hay sự hiểu biết. Chữ Veda nghĩa gốc có nghĩa là kho tàng kiến thức. Nhưng người đời sau không biết, cứ thấy Veda và tưởng nó là cái tên, chứ thật ra Veda là một cái tập đại thành kiến thức được truyền từ đời này qua đời khác, tổng cộng 18 chuyên ngành.

Trong đó gồm: võ thuật, bùa chú, phong thủy, tử vi, âm nhạc, thơ ca, hội họa, kiến trúc... kể cả binh thư, binh pháp, gọi là hồng đồ đại lược, những chính sách, huyết sách mà kinh bang tế thế đều cũng nằm hết trong đó. Dễ sợ như vậy.

Ngày xưa học xong 18 chuyên ngành của Veda thì kẻ nào là hoàng tử thì đủ sức trở về để thành một vị đế vương, trở thành một vị nguyên nhung nguyên soái, đứng giữa ba quân để điều động binh sĩ. Kẻ đó đi về làm dân thì có thể làm thương gia hoặc đại gia bán buôn.

Nhưng mà dần dần theo năm tháng thì bị mấy cha, mà nói thẳng luôn là những người kế thừa dốt nát, họ đã bóp méo, họ đã sửa sai, làm hỏng đi cái nội dung của Veda, chẳng hạn như cái bài kinh này.

Khi mà Đức Phật kể lại cho ông Dona mà ông tự hào về Bà-la-môn, thì cái Bà-la-môn hôm nay là cái Bà-la-môn thối nát. Bởi vì tám vị Bà-la-môn tác giả của Veda mà ta kể tên, ta xưng tên trên đây, nguyên thủy họ là ai? Họ là những vị đặc thiên. Họ đã có thần thông, và họ dùng cái kiến thức thần thông của họ kết hợp với kiến thức mà họ biết được khắp ba đời mười phương.

Đọc vào cái này mới sợ:

“Tương truyền rằng vị Bà-la-môn ấy sau khi dùng thiên nhãn của mình quan sát khắp nơi, được gọi là khắp mọi chuyện trong trời đất. Với lòng bi mẫn, lòng thương đời, đã đối chiếu, đã so sánh với lời dạy của Đức Phật Ca Diếp, cộng với kiến thức của họ là kiến thức của người có thần thông, và họ đã biên soạn thành cái bộ Veda.”

Nhưng về sau, những vị Bà-la-môn đời sau đã làm hỏng đi cái nội dung đó, đã biến một nội dung rất gần với Phật pháp thành mâu thuẫn với Phật pháp, bằng cách họ đưa vào đó những hình thức tầm bậy tầm bạ như là hiến tế, sát sanh. Mỗi lần cúng thần là phải giết bao nhiêu trẻ con, bao nhiêu heo, bao nhiêu bò, bao nhiêu dê, bao nhiêu ngựa, đại khái là họ đưa vào đó những nội dung tầm bậy tầm bạ.

Lâu ngày họ còn sửa sai những nội dung hướng dẫn cách tu thiền: là tại sao phải ly dục, làm sao để đặc thiên sơ, nhị, tam, tứ sắc giới, làm sao để đặc được bốn tầng thiền vô sắc. Cái Veda buổi đầu nội dung dễ sợ như vậy, cuối cùng sửa riết đến đời Đức

Phật mình thì cái Veda còn lại chỉ một phần rất nhỏ cái chuyện nói đến việc tu tập tâm linh, mà phần lớn dạy về thập bát ban.

Thập Bát Ban là 18 chuyên ngành mà khi nãy tôi nói đó, là hội họa, thi ca, âm nhạc, y học, dược học. Nhưng sau khi Phật niết-bàn 100 năm, hoặc 1000-2000 năm, thì nội dung nó còn tẻ nữa. Nó chỉ còn lại mấy bài ca tụng thần thánh, van xin, cầu khẩn. Như là hôm nay chúng ta không còn học Tam Tạng nữa mà chúng ta chỉ đề ra mấy bài kinh nào có nội dung kêu gọi Tam Bảo, chư thiên hộ trì cho mình thôi, y chang như bên kia vậy.

Tức là mình nhìn vào cái nội dung kinh tụng của mình hôm nay thì mình nhớ ngay đến số phận của Bà-la-môn giáo thời xưa. Nghĩa là nội dung tu tập tinh thần tâm linh không còn nữa, mà bị thế chỗ bằng cái chuyện bái sám, tụng niệm, cầu khẩn, van xin, khẩn khứa. Nó đau là như vậy đó quý vị.

Sau khi Đức Phật kể cho ông nghe: “Người là Bà-la-môn mà người có biết cái chuyện này không? Người có biết cái chuyện mà mấy Bà-la-môn của người tào lao cỡ nào không? Và ở đây người có biết không, Bà-la-môn có nhiều hạng lắm: Bà-la-môn đồng đẳng với Phạm thiên, Bà-la-môn đồng đẳng với chư thiên, Bà-la-môn có giới hạn, Bà-la-môn vượt qua giới hạn, và cuối cùng tẻ lậu nhất là Bà-la-môn là nô lệ như Đà-la vậy đó.”

Ngài nói cho ông nghe cái gốc tích vì đâu mà có chữ Bà-la-môn, và liệu các người bây giờ được cái danh nghĩa Bà-la-môn, mà các người có được bằng cái móng tay của mấy ông Bà-la-môn thời xưa hay không? Các người đã phá hủy toàn bộ cái truyền thống tâm linh tốt đẹp. Các người đã không tiếp tục gìn giữ cái huyết thống tâm linh của tổ tiên đời trước.

Đồng thời các người phải biết, Bà-la-môn là danh nghĩa, nhưng mà nội dung thực tế có nhiều loại lắm.

Một, Bà-la-môn đồng đẳng với Phạm thiên là sao? Là Phạm thiên họ ly dục, thì các người cũng phải ly dục mới gọi là tương đương với Phạm thiên. Ngài kể rằng Bà-la-môn buổi đầu nguyên thủy là học với thầy xong xuôi, là đi xuất gia rồi chứng thiên. Đó gọi là Bà-la-môn tương với Phạm thiên.

Hai, học với thầy xong xuôi, đi về lấy vợ rồi bỏ vợ bỏ con đó đi xuất gia.

Ba, cũng có vợ có con, nhưng không có đi xuất gia được. Nhưng đối tượng rất ổn định, có nghĩa là thương ai thì thương một người, chứ không có thương tùm lum, mặc dù tới cái đợt này là hết xuất gia rồi. “Thương thì chỉ một mà thôi, phải đâu xe lửa mà lôi một đoàn.”

Bốn, hạng này tệ nữa, có nghĩa là cũng đi theo thầy học Veda, Bà-la-môn giáo, nhưng mà về là hạng nào cũng lấy. Mấy hạng trước thì đến với phụ nữ chỉ vì tìm một đứa con nối dõi tông đường, còn hạng này là tìm phụ nữ và coi phụ nữ là phương tiện để thỏa mãn dục tính.

Năm, hạng cuối này còn tệ nữa, không hành phạm hạnh, coi phụ nữ là phương tiện thỏa mãn tình dục, và đồng thời còn tìm mọi cách để nguy biện, khóa lấp, thanh minh thanh nga. Giải thích rằng lửa nó đốt vật dơ vật sạch gì đi nữa thì trước sau nó vẫn thanh tịnh. Còn tôi, với một tâm hồn như tôi, thì tôi có sống như thế nào đi nữa, tôi nói tôi có chung chạ với bao nhiêu người đi nữa, thì ai dơ thì dơ mà Trăm vẫn sạch. Hạng này là tệ nhất, chuyện xấu nào cũng làm nhưng luôn luôn tìm mọi cách để biện hộ, nguy biện.

Sau khi Ngài kể cho ông Dona nghe xong, Ngài nói: “Thấy chưa? Hôm nay cái danh xưng Bà-la-môn của các người liệu có xứng đáng với tám vị tiền bối ta vừa kể hay không?”

Sau đó Ngài mới xưng danh ra: “Aṭṭhako, Vāmako, Vāmadevo, Vessāmitto, Yamataggi, Aṅgīraso, Bhāradvājo, Vāseṭṭho, Kassapo, Bhagu.”

Tám vị này là những vị có từ thời Đức Phật Ca Diếp. Họ đã dùng thần thông của họ, dùng cái kiến thức của cái người thoát tục cộng với giáo pháp mà họ học được, viết nên Thánh điển Bà-la-môn. Tại sao họ viết ra? Bởi vì họ biết rằng thánh điển Veda mà tồn tại song song với Tam Tạng, thì họ biết chắc chắn sẽ có một ngày khi tuổi thọ chánh pháp mãn rồi thì Tam Tạng người ta không còn biết nữa. Nhưng ít ra dấu vết của Phật pháp cũng còn vương vãi, váng vất, phảng phất, lung linh, bàng bạc đâu đó trong nhân gian. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là có những chúng sanh, cái cơ địa tâm lý của họ không cho phép họ tiếp xúc với Phật pháp, nhưng mà họ đủ duyên học Phật pháp, học được những mảnh vụn nhỏ của Phật pháp ở đâu đó trong một môi trường không phải là Phật pháp. Người đủ duyên thì họ đến học Phật pháp trong cái biển Phật pháp, nhưng có những người không đủ cái phước đó, mà họ chỉ có thể đến với Phật pháp bằng những mảnh vụn rơi rớt.

Tôi ví dụ: có những người nghe đến Tăng, Ni, thầy bà, chùa miếu là họ đã chạy mất dép rồi. Họ sợ, hoặc là họ ghét chùa lắm. Nhưng họ nghe nhạc Trịnh, họ đọc sách của Phạm Công Thiện, họ đọc thơ của Bùi Giáng. Thế là họ cũng đã bỏ túi được thể nào là tinh thần bất nhị, Bát-nhã, tánh không; thế nào là vô thường, khổ, vô ngã của Phật pháp; thế nào là lục căn thanh tịnh, tứ đại giai không thì họ cũng biết lai rai lai rai.

Nhưng mà kêu họ đến với chùa: đây là cái quyển Trung Bộ, Trường Bộ, Tăng Chi, Tương Ưng, Tiểu Bộ; đây là Pháp Bảo Đàn Kinh; đây là Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Lăng Già, Thủy Sâm... Họ đọc không nổi. Nhưng mà họ cầm quyển nhạc Trịnh, họ cầm quyển sách của Bùi Giáng, họ cầm quyển Câu Chuyện Dòng Sông của Trí Hải, Phùng Khánh và Phùng Thăng, thì họ lại đến với cái đạo được.

Và tôi cũng có mặt trong số đó. Các vị có biết là tôi sợ châm cứu mà tôi đâu có cái ý đi học về Đông y đâu quý vị. Tôi làm gì có biết về ba cái Đông y, thuốc Nam thuốc Bắc, ba cái cỏ mực, tía tô, rồi nào Đỗ Trọng, Xuyên Khung, Thục Địa, Hoài Sơn... Tôi đâu có biết cái đó làm chi. Nhưng mà nhờ tôi đọc sách Kim Dung nên tôi mới

niệm. Cho nên từ một người không có khoái Đông y, nhưng mà tôi đọc từ lum, cho nên bây giờ Trầm có thể có đủ đề mà ba xạo đôi chỗ với một ít thuật ngữ, khái niệm do học lai rai từ đâu đó.

Thì các vị tác giả của Veda cũng y chang như vậy. Nghĩa là họ xét thấy có một ngày mà Phật pháp trở nên xa lạ, khô khan, cứng lạnh, khó gần với rất nhiều người. Và lúc đó sẽ có rất nhiều người đến với Phật pháp bằng cách đi theo mấy cái đạo tào lao, và họ sẽ tìm thấy trong đó những mảnh vụn rơi rớt, vương vãi của Phật giáo. Đó chính là thiện chí của những vị tiền bối cự trảo của Bà-la-môn giáo.

Mà tiếc thay, cái dụng tâm lương khổ của họ không được đời sau biết đến, và cái nội dung cao đẹp của thánh điển Bà-la-môn Veda đã bị thay thế bằng những thứ rẻ tiền. Như là Hòa thượng Nhất Hạnh ở Làng Mai đã có lần Hòa thượng nói: “Tuệ giác của Đức

Phật là tinh hoa của trời đất, từng lời dạy của Bụt là tinh hoa. Mà buồn thay, theo năm tháng truyền thừa và du nhập thì lời dạy tinh hoa ấy đã bị thay thế bằng những sản phẩm rất đổi ngờ nghệch, ngớ ngẩn của phàm phu.

Chính Ôn Làng Mai đã nói cái câu đó, và tôi tuyệt đối đồng ý câu đó. Tức là chính Hòa thượng cũng nhìn nhận, khi mà Hòa thượng về cuối đời thì Hòa thượng đặc biệt nghiên cứu về Tiểu Bộ, nhất là Kinh Tập (Sutta Nipata). Hòa thượng bị đột quỵ vào tháng 11, thì tháng 9 Hòa thượng dịch lại bài Bát Nhã Tâm Kinh. Và trong suốt 3 năm cuối cùng trước khi bị đột quỵ, không còn cầm bút được nữa, gọi là “gác bút ngàn thu”, thì Hòa thượng đặc biệt dành cho Tiểu Bộ một dụng công nghiên cứu rất là công phu.

Hòa thượng đã tìm về suối nguồn nguyên thủy nhất, nhưng mà khổ thay, Hòa thượng không còn cơ hội nữa, không còn thời gian nữa.

Mong rằng qua bài giảng của bài kinh này mở ra cho bà con một vài suy tư, xem cái Phật giáo mà các vị đang đi theo có phải là Phật giáo của kinh điển. Cái Phật giáo mà

do quý vị tìm thấy, do quý vị thẩm thía, tiêu hóa, hay là do các tăng ni, thầy bà trao truyền?

Các vị nên nhớ, mỗi người cái thể chất và cơ địa khác nhau. Họ thẩm thía Phật pháp theo cái kiểu của họ, rồi họ mới truyền lại cho quý vị. Và các vị lại tiếp nhận cái sự trao truyền ấy thông qua cái thể chất, cơ địa của quý vị. Thì các vị nghĩ, nó qua 8 ngàn, 12 lớp như vậy thì nó có còn là Phật giáo nguyên thủy hay không?

Tức là thầy mình, ông đã cảm nhận Phật pháp theo cái kiểu rất riêng của ông, rồi ông truyền lại cho mình, và mình đón nhận theo cái kiểu rất riêng của mình. Liệu cái ấy có phải là Phật giáo nguyên thủy tinh tuyền hay không? Vậy mà có kẻ hôm nay biết được ba mớ rồi cho đó là thước đo ngàn đời của chân lý, cho đó là pháp nhũ Phật thân, thì liệu đây có phải là điều đáng sợ, đáng tiếc, buồn cười và đáng khinh hay không?

Kinh Bà-la-môn

Ông Saṅgārava là một trong số ít những người Phật tử thế giới phải tạc tượng, bởi vì ông chuyên môn hỏi những vấn đề giáo lý mà tôi có cảm giác là ông hỏi giùm cho chúng ta bây giờ không à. Mà lạ lắm, cứ lâu lâu là ông đáo một lần, là ông làm buổi vấn đạo với nội dung toàn là cho người bây giờ mới ghê chứ.

Bữa nay ông đến lạy Phật, ông hỏi đạo. Ông hỏi Phật thế này:

Vì đâu mà hồi xưa hồi xưa, hồi con còn trẻ thì học mau mà nhớ lâu, còn bây giờ thì học lâu mà quên mau là vì sao?

Đức Phật Ngài giải thích: Khi nào mà tâm tư của chúng sinh phàm phu bị chi phối bởi phiền não. Ngài nói rõ luôn trong tiếng Pāli là “nīvaraṇa”, có nghĩa là có cái gì đó nó ngăn che, nó làm khuất đi.

Các vị biết đó, ở đây có học ba mớ về thiên chỉ, thiên quán, thì cả thiên chỉ với thiên quán đều đại kỵ với 5 ông thầy này.

Tham dục: niềm đam mê, thích thú trong 5 trần. Thấy cái này thích, thấy cái kia thích, nghe cái này thích, nghe cái kia thích. Suốt một ngày như vậy thì các vị phải đồng ý với tôi là dù cho các vị có nhắm mắt nghe giảng, nhắm mắt ngồi thiền, đầu cho các vị có lên giường, tắt đèn, trùm mền, thì 6 căn của các vị luôn luôn trong tình trạng tổng dục bị, tổng động viên, sẵn sàng lao ra khỏi mùng.

Để con mắt tìm cái để nhìn, lỗ tai nó động lên nó nghe, mũi luôn trong tình trạng kiểm mùi để ngửi, lưỡi cũng vậy, thân cũng vậy, và suy tư cũng vậy. Có nghĩa là 6 căn của mình luôn luôn trong tình trạng trực chờ, như chó trực xương trước 6 trần để theo. Cho nên cái tham nó mạnh như vậy đó.

Sân dục: sự bất mãn trong 5 trần. Hễ một người còn đam mê trong 5 dục thì dứt khoát, đương nhiên, hiển nhiên, kẻ đó còn bất mãn trong 5 dục, vì hễ có thích là còn bất mãn.

Thí dụ như mình thích thơm thì ghét hôi, thích mềm thì ghét cứng. Cứ như vậy thì có bất mãn. Tôi nói hoài là một hành giả nhớ hoài mấy cặp giai ngẫu sau đây là tu được: hỷ - ưu là một cặp, khổ - lạc là một cặp, dục - ái là một cặp, vô tầm - vô quý là một cặp.

Hôn thụ: trạng thái biếng lười hay buồn ngủ, đã dười, buông xuôi, thụ động, tiêu cực.

Trạo hối: trạng thái bồn chồn, nhớ đến cái chuyện đã làm và chưa làm, rồi nó đâm ra không yên.

Hoài nghi: trạng thái hoang mang, nghi hoặc. Không biết mình tu như vậy có đúng không, không biết mình hiểu như vậy có phải không, không biết sư phụ dạy như vậy có ok không.

Tổng cộng 5 cái này gọi là 5 pháp triền cái, 5 pháp chướng ngại, ngăn trở cái bước đi tâm linh của mình.

Mình học bài kinh này mình mới thấy, à, thì ra không có riêng gì hành giả tu thiền, mà toàn bộ cái cõi tâm linh của chúng ta sẽ trở thành ra một cái đồng rác, tăm tăm mù mù, không có ánh sáng, nếu chúng ta bị che khuất bởi 5 thứ phiền não này.

Trong đây Ngài mới cho ví dụ. Ngài nói rằng:

Cái tâm mà tham nhiều, nó giống y chang như một chén nước bị bỏ tùm lum màu trong đó.

Còn sân nhiều thì giống như chén nước bị sôi sùng sục lên. Cái chén nước mà bị tạp sắc, không có trong suốt, thì mình không có soi cái mặt mình vô trong đó, cũng không có thể nhìn xuống đáy được. Một cái chén nước mà nó sôi sùng sục thì mình cũng không thể nhìn được cái gì ở trong đó, và cũng không thể nhìn xuống đáy chén được.

Một cái tâm mà nó đang bị buồn ngủ, đã dụi, lười biếng, thì nó giống như một chén nước bị rong rêu, bất tịnh, thì mình cũng không thể thấy cái gì ở trong nước và cũng không thấy xuyên qua đáy.

Một cái tâm mà bị trạo hối, lảng xãng, ray rứt, phóng dật chi phối, thì nó cũng giống như chén nước bị gió thổi lao xao, lao xao. Nó cũng khiến cho mình không nhìn được cái gì trong nước, và cũng không nhìn thấu đáy chén được.

Cuối cùng là một cái tâm bị hoài nghi chi phối, hoang mang, nghi hoặc, lưỡng lự:

“Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước,
Chọn một dòng hay để nước trôi.”

Nó giống như một bát nước bị bùn mà lại để trong bóng tối nữa.

Ngài dạy rằng muốn có một trí nhớ tốt, trí hiểu tốt thì cái chuyện đầu tiên là mình phải dàn xếp được 5 cái này. Bài kinh này nó sâu lắm. Ông Saṅgārava chỉ hỏi Ngài:

Tại sao lúc nhỏ ông học kinh điển Bà-la-môn giáo, kinh Veda, học mau mà nhớ lâu, còn bây giờ là học lâu mà mau quên?

Thì Ngài mới giải thích cho ông nghe. Nhưng mà thật ra, kinh nghiệm mà Ngài dạy không chỉ riêng cho chuyện học, mà ngay cả trong chuyện tu. Nếu hôm nay mà bà con tu Samatha hay Vipassana mà nó cứ ù lì, đứng yên, không tiến bộ, thì mình phải xét coi có phải là mình bị 5

Triền hay không, mà triền nào bị thứ nào trong 5 thứ này.

Trong quyển Triết Học A-tỳ-đàm 1 thì chúng tôi đã có những biểu đồ nói rất rõ về cái này, dựa trên kinh tạng chứ không phải là do tôi chế ra. Trong quyển Kinh Nghiệm Tuệ Quán tập 2 mà chúng ta sẽ có được vào chậm lắm là cuối tháng 12 thì bà con dứt khoát phải có. Tất cả những cái mà tôi muốn gửi gắm, muốn giảng thêm cho bà con về cái bài kinh này thì đều có đầy đủ nằm sạch sẽ ở trong đó, không có thiếu cái gì hết. Đó là cái hành trang mà bà con bắt buộc phải nhớ.

Quyển 1 thì tôi có nói ví von là bà con lận lưng cuốn đó qua tới bên kia rồi ít bữa buông, không cần. Nhưng mà riêng cuốn 2 thì bà con phải giữ nó cho tới khi nào bà con bỏ Phật pháp, không có theo đạo Phật nữa thì thôi. Bởi vì người nào học thuộc lòng được thì tốt, mà tôi e là chắc không có đâu. Thế là cuốn đó các vị phải lận lưng, bởi vì nội dung nó là yếu chỉ Thiền Tông, là Pháp Nhũ Phật Thân, là cầm nang lận lưng cho hành giả cả thiền chỉ lẫn thiền quán, cho người theo pháp học lẫn pháp hành. Cho nên quyển Kinh Nghiệm Tuệ Quán 2 thì bà con nhất định phải có.

Tôi nói nhiều về quyển đó không phải với cái ý bán sách đâu, không có nhiều đâu, bạc cắc à quý vị à. Cái chánh của tôi bây giờ là thiền viện bên Miến Điện chứ không phải là quyển sách đó. Nhưng mà đang giảng đây tôi lại nghĩ chúng ta đang có một căn nhà khác quan trọng hơn cái gì tất cả, đó chính là: Phật tử Việt Nam phải có kiến thức giáo lý, dầu chúng ta có được sang các xứ quốc giáo hay tiếp tục trong nước.

Hiện giờ bà con đang ở Á, Âu, Phi, Mỹ, Úc, thì bất cứ châu lục nào chuyện đó không quan trọng, mà bà con nếu thấy tấm thân sanh tử này là một chuyện lớn cần phải quan tâm; chuyện luân hồi siêu đọa là cái chuyện cần phải quan tâm; chuyện tu tập là điều cần phải quan tâm; trách nhiệm với bản thân là cái điều cần phải quan tâm, thì bà con bắt buộc phải tự trang bị kiến thức giáo lý cho mình bằng cách này hay cách khác.

Tôi xin nhắc lại một lần nữa là không ai thương mình bằng mình, và cũng không ai giúp được mình như là bản thân mình. Bởi vì nếu có chuyện mà người này có thể giúp cho người kia thì hôm nay chúng ta đã lên tòa sen ngồi hết rồi. Vô số chư Phật đã ra đời và cũng đã qua đời, và chúng ta vẫn còn tiếp tục ngồi lại ở đây. Điều đó cho thấy rằng: “Phật lực thì vô biên nhưng mà không thể độ kẻ vô duyên” là như vậy đó.

Trong bài kinh này, Phật dạy rằng trong cõi tâm linh của mình sẽ được bao la thanh thang, sẽ được bừng sáng, vừa sáng, vừa rộng, vừa cao, khi nào mà chúng ta dàn xếp được 5 cái thứ triển cái này.

Đó là tham dục, là niềm đam mê thích thú trong 5 trần. Sân độc, là sự bất mãn trong 5 dục, 5 trần. Hôn thụ, là sự biếng lười hay đã dượt, sự buông xuôi tiêu cực của tâm thức. Trạo hối, là sự băn khoăn, ray rứt, tiếc nuối khi nghĩ về chuyện đã làm hoặc chưa làm, để rồi lòng không yên. Cuối cùng là sự hoang mang, nghi hoặc, không biết rằng con đường mình đang đi là đúng hay sai.

Mà mình thắc mắc là mình phải đi tìm cách giải quyết, chứ không phải là mình cứ ôm cái nỗi thắc mắc đó, biến nó trở thành một gánh nặng tâm lý, để rồi cứ nhùng nhằng đứng yên, không đi xa được nữa. Thì lúc bấy giờ cái sự hoang mang, nghi hoặc ấy nó trở thành ra một thứ phiền não có tên gọi là hoài nghi cái.

Ở đây trong kinh dạy rất rõ là chỉ có thánh nhân mới dứt điểm được 5 cái thứ phiền não này. Và trong kinh dạy rất rõ, có 5 cách để đối phó với phiền não, nhưng nói gom gọn chỉ có 3 cách thôi:

1. Tadangapahana: hòa hoãn từng cơn với nó.

Là mình học giáo lý, ngồi thiền định mỗi ngày 1 tiếng, 2 tiếng, 2 tiếng đi, 2 tiếng ngồi, 3 tiếng đi, 3 tiếng ngồi... và nhớ có học giáo lý để mỗi lần mà mình phát hiện được là mình đang bị một cái phiền não nào, khi mà mình nhận diện được nó thì nó sẽ mất.

Đó là nói trên nguyên tắc gọn gàng, chứ còn trên thực tế là nhìn nó mà để cho nó mất là các vị phải mất thời gian rất là lâu. Các vị mà hỏi bao lâu thì tôi phải nói là tùy người. Nhưng mà trên nguyên tắc là khi bị nhận diện thì phiền não sẽ nhường chỗ cho thiện tâm. Nhưng mà thực tế thì thẳng Tèo, thẳng Tý thời gian bao lâu mới đạt đến cái mức mà nhìn nó là nó mất, là cái đó tùy người nha. Cho nên cách mà đối phó gặp đâu diệt đó gọi là tadangapahana.

2. Vikkhambhapahana: làm chủ được nó nhưng nó vẫn còn đó.

Nghĩa là chúng ta phải tu tập chứng thiền. Bên tuệ quán là chúng ta phải có khả năng thiền tuệ nào đó. Còn bên thiền chỉ là chúng ta phải có một cái tầng sơ, nhị, tam, tứ nào đó. Nói chung là mỗi lần chúng ta nhập thiền, chúng ta an trú có thể là 1 tiếng, 2 tiếng, 3 tiếng, 5 tiếng mà không có một khe hở nào cho phiền não nó chen vô, dù bằng thiền chỉ hay thiền quán. Nhưng mà nhớ là phải liên tục trong 1 tiếng, 2 tiếng, 3 tiếng.

Còn cái kiểu mà gặp đâu trừ đó trong vòng 1 giây, 2 giây rồi quay trở lại thì cái đó gọi là tadangapahana. Còn cái kiểu mà mình có thể đè nén nó và làm cho nó vắng mặt trong vòng 1 tiếng, 2 tiếng, 3 tiếng, hoặc mình về Phạm Thiên 1 đại kiếp, 5 đại kiếp, 8 đại kiếp, thì cái đó gọi là vikkhambhapahana, làm chủ được phiền não của mình.

3. Samucchedapahana: cắt đứt nó bằng trí tuệ thánh nhân.

Nếu mà mình là Tu-đà-hườn thì cắt đứt hẳn được thân kiến, hoài nghi. Nếu mình là A-na-hàm thì dứt hẳn được dục ái và sân. Nếu mình là La-hán thì mình dứt sạch tất

cả mọi phiền não còn lại.

Đối với 5 phiền não này thì trong room này, e là các vị cũng phải đồng ý với tôi là cách 3 là thấy không có rồi đó, đặc gì nổi hả trời. Chỉ còn có cái 2 thì hy vọng có khả năng là mỗi lần xếp cái chân vô là quất 1 phát 2 tiếng chỉ có niệm, định, tuệ thôi, chứ không có cái tham sân nào nó lọt vô, không có cái thích thú, bất mãn nào nó lọt vô được trong cái khoảng thời gian 1 tiếng, 2 tiếng, 3 tiếng, 5 tiếng đó hết, gọi là vikkhambhapahana.

Còn cái cách thứ nhất là tậ nhất trong 3 cách nhưng mà không có không được, nghĩa là thấy nó biết liền. Khi nó được nhận diện thì nó sẽ tạm thời biến mất, và khi lát sau nó được quay trở lại thì mình lại tiếp tục nhận diện, cứ như vậy thì gọi là tadangapahana.

Okay, chúc các vị một ngày vui và hẹn bà con vào ngày mai.